TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/10/2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Thu Trang

Ông Từ Xuân Tiếng

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Yến Linh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 281/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Nhã P, sinh năm 1992 (có mặt).
Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện N, tỉnh Bến Tre.
* *Bị đơn:* Anh Lê Thanh C, sinh năm 1993 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp X1, xã Y, huyện N, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2018, bản tự khai ngày 10/7/2018 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nhã P trình bày:

Chị và anh Lê Thanh C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào năm 2015. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến ngày 13/12/2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị bất đồng quan điểm với gia đình chồng dẫn đến vợ chồng chị hay cãi nhau. Chị và anh C sống ly thân từ ngày 13/12/2017 đến nay. Chị P thấy cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: chị P khai không có con chung.

Về tài sản chung: chị P khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: chị P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Thanh C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải và công khai chứng cứ tại tòa, cũng như vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: chị P và anh C tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị P và anh C phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh C, quyền yêu cầu giải quyết ly hôn của chị P được Tòa án xem xét giải quyết theo qui định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Lê Thanh C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh C là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Xét lời trình bày của chị P thì sau khi kết hôn, chị P và anh C sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh chị thường hay cãi nhau. Chị P và anh C đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không hòa giải, không đưa ra hướng khắc phục mâu thuẫn cũng như không tìm giải pháp hàn gắn tình cảm gia đình điều đó chứng tỏ anh chị không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân và tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy đời sống hôn nhân của anh C, chị P không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo. Mặt khác, tại phiên tòa chị P cho rằng tình cảm của chị và anh C là không thể hàn gắn lại được, có chung sống với nhau cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị P về việc xin ly hôn với anh C là phù hợp, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: chị P khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: chị P khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: chị P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Nhã P phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1]. *Về hôn nhân*:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Nhã P với anh Lê Thanh C. Chị Nguyễn Thị Nhã P được quyền ly hôn với anh Lê Thanh C.

[2]. *Về con chung*: chị P khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về tài sản chung*: chị P khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về nợ chung*: chị P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị Nhã P phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018208 ngày 19/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị P đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Nhã P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Thanh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Nga